

Số: /KH-SNN

Cao Bằng, ngày 03 tháng 11 năm 2022

KẾ HOẠCH

Chuyển đổi số Ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030

Căn cứ Quyết định số 749/QĐ-TTg, ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc “Phê duyệt Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”;

Căn cứ Quyết định số 942/QĐ-TTg, ngày 15 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 411/QĐ-TTg, ngày 31 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 2151/QĐ-BNN-VP, ngày 15 tháng 6 năm 2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc phê duyệt Kế hoạch chuyển đổi số ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn giai đoạn 2022-2025;

Căn cứ Quyết định 924/QĐ-TTg, ngày 02 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chương trình chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới, hướng tới nông thôn mới thông minh giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 2769/QĐ-UBND, ngày 10/11/2020 của UBND tỉnh Cao Bằng ban hành Kế hoạch Chuyển đổi số tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 2893/QĐ-UBND, ngày 31/12/2020 của UBND tỉnh Cao Bằng ban hành Kế hoạch ứng dụng CNTT trong hoạt động cơ quan nhà nước, phát triển Chính quyền số và đảm bảo an toàn thông tin mạng tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 140/QĐ-UBND, ngày 22/01/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Cao Bằng phê duyệt Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Cao Bằng, phiên bản 2.0;

Căn cứ Kế hoạch số 1406/KH-UBND, ngày 07 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về Thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TU, ngày 07 tháng 3 năm 2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khoá XIX về xây dựng Chính quyền điện tử hướng tới Chính quyền số, chuyển đổi số tỉnh Cao Bằng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 1140/QĐ-UBND, ngày 31 tháng 8 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc phê duyệt Đề án Chuyển đổi số tỉnh Cao Bằng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng Kế hoạch chuyển đổi số Ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Thực hiện Chương trình chuyển đổi số ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tạo sự thay đổi từ nhận thức đến hành động về chuyển đổi số của cơ quan, đơn vị thuộc ngành và tổ chức, cá nhân tham gia chuỗi giá trị nông nghiệp.

- Đề ra mục tiêu, nhiệm vụ trọng tâm triển khai thực hiện chuyển đổi số ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đến năm 2025, định hướng đến 2030 làm cơ sở xây dựng kế hoạch hàng năm.

- Phân công nhiệm vụ cụ thể cho các phòng, đơn vị trực thuộc triển khai thực hiện chuyển đổi số ngành nông nghiệp trên các lĩnh vực trọng tâm của ngành đạt hiệu quả.

2. Yêu cầu

- Cụ thể hóa các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp chuyển đổi số ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trên cơ sở các chương trình, kế hoạch của Chính phủ, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và UBND tỉnh Cao Bằng.

- Hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ về phát triển Chính phủ điện tử hướng đến Chính phủ số và chuyển đổi số ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giai đoạn 2022-2025, định hướng đến 2030.

- Lựa chọn các nội dung, hoạt động chuyển đổi số một số lĩnh vực chuyên ngành trọng tâm để triển khai thực hiện (*trồng trọt, chăn nuôi...*).

- Xác định được lộ trình, thời gian hoàn thành, đảm bảo kế hoạch đã đề ra. Thủ trưởng các đơn vị chịu trách nhiệm trước Giám đốc Sở về kết quả thực hiện các nhiệm vụ được giao.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu đến năm 2025

a) Phát triển Chính quyền số

- 100% chế độ báo cáo, chỉ tiêu tổng hợp báo cáo định kỳ và báo cáo kinh tế - xã hội thuộc phạm vi quản lý của Sở (không bao gồm nội dung mật) được ký số, thực hiện qua môi trường mạng và liên thông với hệ thống báo cáo quốc gia.

- 95% hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước).

- 100% hoạt động chỉ đạo, điều hành của cơ quan, đơn vị được thực hiện trên Hệ thống quản lý văn bản và điều hành công việc.

- 100% TTHC đủ điều kiện theo quy định của pháp luật được cung cấp dưới hình thức dịch vụ công trực tuyến mức độ 4.

- Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến mức độ 3, 4 trên tổng số hồ sơ đạt tối thiểu 50%.

- Tối thiểu 90% người dân và doanh nghiệp hài lòng về việc giải quyết thủ tục hành chính.

- Thực hiện số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo kế hoạch của UBND tỉnh.

- Hình thành CSDL ngành nông nghiệp các lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi, thú y, thủy lợi, lâm nghiệp... đáp ứng nhu cầu khai thác thông tin dữ liệu phục vụ hoạt động sản xuất nông nghiệp.

- Triển khai sử dụng, cập nhật cơ sở dữ liệu do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn triển khai: Hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu ngành chăn nuôi; Hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu trồng trọt; Hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu cấp, quản lý Mã số vùng trồng; Hệ thống cơ sở dữ liệu bảo vệ thực vật; Hệ thống giám sát đánh giá thích ứng biến đổi khí hậu ngành Nông nghiệp... thực hiện thu nhận, sử dụng và chia sẻ dữ liệu chuyên ngành từ hệ thống Bộ Nông nghiệp và PTNT về kho dữ liệu tỉnh.

- 100% huyện/Thành phố được trang bị phần mềm quản lý quy hoạch vùng nuôi trồng, diện tích canh tác.

- Thực hiện Chuyển đổi IPv6 cho hệ thống mạng, dịch vụ công nghệ thông tin của đơn vị theo kế hoạch của UBND tỉnh.

- Phấn đấu 80% cán bộ, công chức, viên chức của Sở được tập huấn, bồi dưỡng về kỹ năng số và tập huấn, bồi dưỡng chuyên sâu về kỹ năng phân tích và xử lý dữ liệu ngành nông nghiệp.

b) Phát triển Kinh tế số

- 100% công chức, viên chức, người lao động ngành nông nghiệp có tài khoản, công cụ phục vụ thanh toán và sử dụng thành thạo các nền tảng thanh toán trực tuyến trong thanh toán các phí lệ phí và hoạt động kinh doanh, mua sắm trong cộng đồng.

- Phấn đấu 60% doanh nghiệp, hợp tác xã trong lĩnh vực nông nghiệp triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động sản xuất, kinh doanh; Hướng dẫn doanh nghiệp, hộ kinh doanh, người dân đăng ký tham gia các sàn thương mại điện tử (sàn Postmart.vn, sàn voso.vn,...) để mua, bán, quảng bá, giới thiệu sản phẩm, hàng hoá trên mạng, mở tài khoản thanh toán điện tử.

- 100% các sản phẩm OCOP có truy xuất nguồn gốc.

- Thực hiện thí điểm mô hình sản xuất, chứng nhận số về chứng nhận chất lượng sản phẩm; chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn vệ sinh thực phẩm; chế biến và tiêu thụ nông sản gắn với chuyển đổi số trên các đối tượng cây trồng, vật nuôi chủ lực hoặc sản phẩm OCOP có năng lực cạnh tranh trên thị trường.

- Hỗ trợ hộ kinh doanh, doanh nghiệp ứng dụng công nghệ thông tin để tiếp cận thông tin về sản xuất nông nghiệp, các mô hình nông nghiệp thông minh, nông nghiệp công nghệ cao; phát triển chuyển đổi số trong hoạt động sản xuất, chế biến,

kinh doanh sản phẩm nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản; tạo sự gắn kết trong liên kết 4 nhà “ Nhà nông - nhà nước - nhà khoa học - nhà doanh nghiệp”.

c) Phát triển xã hội số

- 100% thông tin chỉ đạo điều hành của ngành nông nghiệp được đăng tải trên Trang thông tin điện tử của Sở.

- 100% các phản ánh của người dân và tổ chức đến Chính quyền qua các kênh phản ánh chính thức của cơ quan nhà nước được xử lý, trả lời công khai đúng theo quy định.

2. Mục tiêu đến năm 2030

- Tối thiểu 95% người dân và doanh nghiệp hài lòng về việc giải quyết thủ tục hành chính.

- Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến mức độ 3, 4 trên tổng số hồ sơ đạt theo chỉ tiêu giao của UBND tỉnh.

- 100% hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước).

- 80% doanh nghiệp, hợp tác xã trong lĩnh vực nông nghiệp triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động sản xuất, kinh doanh và tham gia vào sàn thương mại điện tử, các hoạt động giao dịch điện tử trên môi trường mạng.

III. CÁC NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Xây dựng và phát triển nền tảng cho chuyển đổi số

a) Chuyển đổi nhận thức và nguồn nhân lực

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến các chủ trương của Đảng, các văn bản của Trung ương, Bộ, ngành, tỉnh về chuyển đổi số đến toàn thể cán bộ công chức, viên chức, người lao động trong cơ quan, đơn vị; tổ chức các hoạt động hưởng ứng ngày Chuyển đổi số quốc gia, ngày chuyển đổi số ngành nông nghiệp, ngày chuyển đổi số tỉnh Cao Bằng.

- Đăng ký tham dự các chương trình bồi dưỡng về chuyển đổi số, phát triển chính quyền số cho lãnh đạo, cán bộ, công chức, viên chức; các lớp tập huấn, bồi dưỡng kiến thức về chuyển đổi số, kỹ năng số và an toàn thông tin cho cán bộ, công chức, viên chức.

- Phối hợp tổ chức các Hội nghị, Hội thảo, tập huấn về chuyển đổi số trong ngành nông nghiệp cho các cơ quan, đơn vị, địa phương và chủ thể sản xuất nhằm trao đổi kinh nghiệm, nâng cao nhận thức về chuyển đổi số và kỹ năng ứng dụng công nghệ số vào sản xuất, thu hoạch, chế biến, tiêu thụ sản phẩm. Hợp tác, học tập, giao lưu kinh nghiệm, công nghệ, mô hình triển khai chuyển đổi số ngành nông nghiệp với các đơn vị.

- Đăng tải các chương trình, kế hoạch và kết quả thực hiện chuyển đổi số của ngành trên Trang thông tin điện tử của Sở.

- Phối hợp tổ chức tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức cho người dân, doanh nghiệp, hợp tác xã và toàn xã hội về chuyển đổi số. Hướng dẫn người dân sử

dụng các dịch vụ số của ngành nông nghiệp và kỹ năng đảm bảo an toàn thông tin, bảo vệ dữ liệu cá nhân trên không gian mạng.

b) Xây dựng các văn bản

- Xây dựng và ban hành các đề án, kế hoạch triển khai thực hiện chuyển đổi số ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Tham gia rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật, các quy trình, tiêu chuẩn, quy chuẩn đối với từng lĩnh vực chuyên ngành để đáp ứng yêu cầu trong quá trình chuyển đổi số.

c) Phát triển hạ tầng số

- Đầu tư, nâng cấp hệ thống mạng, mua sắm trang thiết bị CNTT (phần cứng, phần mềm, các giải pháp an toàn thông tin...).

- Thực hiện Chuyển đổi Ipv6 cho hệ thống mạng, dịch vụ công nghệ thông tin của đơn vị theo kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Tích hợp, chia sẻ, khai thác cơ sở dữ liệu chuyên ngành với hệ thống cơ sở dữ liệu của tỉnh và Bộ Nông nghiệp và PTNT trên nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu dung chung cấp tỉnh (LGSP) và hệ thống kết nối, liên thông các hệ thống thông tin ở trung ương và địa phương (NGSP).

- Xây dựng hệ thống phòng họp thông minh, phòng họp số kết hợp với thiết chế phòng điều hành số, đáp ứng nhu cầu hội nghị trực tuyến với các cơ quan Trung ương và các đơn vị trong tỉnh.

d) Phát triển dữ liệu số

Thực hiện tích hợp, chia sẻ, khai thác cơ sở dữ liệu chuyên ngành với hệ thống cơ sở dữ liệu của tỉnh và Bộ Nông nghiệp và PTNT trên nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu dung chung cấp tỉnh (LGSP); thực hiện thu nhận, sử dụng và chia sẻ dữ liệu chuyên ngành từ hệ thống của Bộ NN&PTNT về kho dữ liệu tỉnh khi có hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và PTNT. Cụ thể như sau:

(1) Cơ sở dữ liệu Trồng trọt, bảo vệ thực vật: Dữ liệu bản đồ nông hóa thổ nhưỡng; Dữ liệu hiện trạng vùng trồng trọt (lúa, hoa màu, cây công nghiệp, cây ăn quả...); Dữ liệu quy hoạch vùng trồng trọt; Dữ liệu công ty sản xuất, đại lý phân bón, giống cây trồng, thuốc bảo vệ thực vật; Dữ liệu nhập/xuất các công ty sản xuất, đại lý phân bón, giống cây trồng, thuốc bảo vệ thực vật; Dữ liệu đối tượng sinh vật gây hại cây trồng và thuốc bảo vệ thực vật sử dụng phòng trừ...

(2) Cơ sở dữ liệu quản lý Chăn nuôi, thú y: Dữ liệu hiện trạng vị trí, vùng trang trại gia súc, gia cầm; Dữ liệu cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm; Dữ liệu về dịch bệnh; Dữ liệu quy hoạch vị trí, vùng chăn nuôi...

(3) Cơ sở dữ liệu quản lý Lâm nghiệp: Dữ liệu lâm nghiệp phân theo ba loại rừng; Dữ liệu vị trí và trạng thái hồ chứa, điểm lấy nước phòng và chữa cháy rừng; Dữ liệu vị trí chòi canh, trạm, hạt kiểm lâm; Dữ liệu đường ranh chữa cháy rừng; Dữ liệu về các khu bảo tồn thiên nhiên (ranh giới khu bảo tồn thiên nhiên; loài thực vật, động vật thuộc khu bảo tồn thiên nhiên; vi phạm, xâm hại và xử lý; đánh mã, định vị loài thực vật, động vật quý hiếm, sách đỏ...).

(4) Cơ sở dữ liệu quản lý Thủy sản: Dữ liệu hiện trạng vùng nuôi trồng thủy sản: vị trí, diện tích, hình thức nuôi loài thủy sản nuôi trồng, sản lượng thu hoạch hàng năm; Dữ liệu môi trường dịch bệnh; Dữ liệu khu vực bảo tồn thủy sản, thông tin khu vực bảo tồn; Dữ liệu phân vùng mặt nước và chủ cơ sở được cấp quyền hoặc cho thuê sử dụng mặt nước để nuôi trồng thủy sản...

(5) Cơ sở dữ liệu quản lý Thủy lợi: Dữ liệu hồ, đập, trạm bơm thủy lợi; Dữ liệu hệ thống kênh mương thủy lợi; Dữ liệu độ cao và khoanh vùng ngập úng; Dữ liệu hệ thống kè chống sạt lở bờ sông,...

(6) Cơ sở dữ liệu quản lý Nước sinh hoạt nông thôn: Dữ liệu về hệ thống cấp nước sinh hoạt nông thôn; tỷ lệ % người dân nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh;...

(7) Cơ sở dữ liệu quản lý Phát triển nông thôn, nông thôn mới: Dữ liệu hiện trạng xóm, xã đạt nông thôn mới; Dữ liệu hiện trạng mạng lưới đường liên xóm; Dữ liệu quy hoạch nông thôn mới; Dữ liệu về các sản phẩm OCOP (Chương trình Mỗi xã một sản phẩm); Dữ liệu nghề truyền thống, làng nghề và làng nghề truyền thống; Dữ liệu quản lý Hợp tác xã, Tổ hợp tác và Trang trại; Dữ liệu hộ di dân bố trí ổn định dân cư các vùng: thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới...

(8) Cơ sở dữ liệu quản lý phòng, chống thiên tai: Dữ liệu về mưa lũ, giông lốc, lũ quét, sạt lở đất, hạn hán...

(9) Cơ sở dữ liệu quản lý Chất lượng an toàn thực phẩm đối với nông sản, lâm sản, thủy sản: Dữ liệu thông tin cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản; Dữ liệu cơ sở có/chưa có Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm, các loại giấy chứng nhận khác; Dữ liệu các cơ sở vi phạm các quy định về điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm; Dữ liệu phân loại cơ sở theo danh mục sản phẩm, theo mức xếp loại an toàn thực phẩm, chỉ dẫn địa lý, có/chưa có tem truy xuất nguồn gốc QR Code; Dữ liệu chứng nhận chất lượng sản phẩm (chứng nhận VietGAP, HACCP, ISO22000...); Kết nối hệ thống truy xuất nguồn gốc nông sản với cổng thông tin truy xuất nguồn gốc quốc gia...

(10) Phối hợp với các sở, ngành cung cấp, chia sẻ dữ liệu liên quan đến ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

d) Đảm bảo an toàn, an ninh mạng

- Triển khai các biện pháp bảo đảm an toàn thông tin mạng, 100% máy tính của ngành được triển khai giải pháp phòng chống mã độc, cài các phần mềm diệt virus.

- Hướng dẫn, quán triệt công chức, viên chức thực hiện nghiêm các quy định về bảo mật thông tin trong quản lý nhà nước, an toàn thông tin mạng.

- Phối hợp tổ chức triển khai các chương trình nâng cao nhận thức về an ninh, an toàn thông tin cho toàn thể công chức, viên chức và người lao động trong ngành.

2. Phát triển chính quyền số

- Thực hiện chuyển đổi số trong công tác quản lý để có các chính sách, điều hành kịp thời phát triển nông nghiệp như dự báo, cảnh báo thị trường, quản lý quy

hoạch. Thúc đẩy cung cấp thông tin về môi trường, thời tiết, chất lượng đất đai để người dân nâng cao năng suất và chất lượng cây trồng.

- Hàng năm xây dựng Kế hoạch Ứng dụng CNTT, chuyển đổi số ngành nông nghiệp.

- Tiếp tục thực hiện quản lý văn bản đi, văn bản đến trên phần mềm Hệ thống quản lý văn bản và điều hành VNPT ioffice, văn bản được ký số và xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước).

- Thực hiện số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo kế hoạch của UBND tỉnh; giải quyết thủ tục hành chính trên phần mềm một cửa tập trung cấp tỉnh, đảm bảo tỷ lệ hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính đúng hạn.

- Đảm bảo báo cáo định kỳ (không bao gồm nội dung mật) của các cơ quan hành chính nhà nước được cập nhật, chia sẻ trên hệ thống thông tin Báo cáo của tỉnh và kết nối, chia sẻ dữ liệu số với hệ thống thông tin Báo cáo của Chính phủ, phục vụ hiệu quả hoạt động quản lý, chỉ đạo, điều hành.

- Cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời và công khai minh bạch các nội dung thông tin, dữ liệu trên trang thông tin điện tử của Sở.

3. Chuyển đổi số ngành hướng đến xây dựng Xã hội số

- Triển khai các giải pháp thúc đẩy người dân và doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến mức độ cao đạt hiệu quả.

- Hướng dẫn doanh nghiệp, hộ kinh doanh, người dân trên địa bàn đăng ký tham gia các sàn thương mại điện tử để mua, bán, quảng bá, giới thiệu sản phẩm, hàng hoá nông nghiệp trên mạng.

- Đôn đốc toàn thể cán bộ, công chức, viên chức, người lao động các phòng ban, đơn vị trực thuộc Sở thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt.

- Phối hợp tổ chức hướng dẫn người dân về các kỹ năng an toàn, bảo mật thông tin cơ bản để tự bảo vệ tài khoản, dữ liệu của mình trên không gian số.

- Triển khai bộ quy tắc ứng xử trên môi trường mạng đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức trong toàn ngành nông nghiệp.

- Phân cấp xử lý các góp ý, phản ánh của người dân liên quan đến ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đảm bảo kịp thời, đúng quy định pháp luật.

4. Chuyển đổi số ngành hướng đến phát triển Kinh tế số

- Phối hợp tổ chức triển khai kế hoạch hỗ trợ đưa hộ sản xuất nông nghiệp lên sàn thương mại điện tử, thúc đẩy phát triển kinh tế số nông nghiệp, nông thôn (Quyết định số 1034/QĐ-BTTTT, ngày 21/7/2021; Quyết định số 350/QĐ-BTTTT, ngày 24/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông).

- Triển khai xây dựng, áp dụng mô hình hệ thống tự động tưới tiêu, nhân rộng mô hình để phục vụ sản xuất nông nghiệp.

- Ứng dụng công nghệ số để tự động hoá các quy trình trồng trọt, chăn nuôi, sản xuất, kinh doanh sản phẩm nông nghiệp; quản lý, giám sát nguồn gốc, chuỗi

cung ứng sản phẩm, bảo đảm nhanh chóng, minh bạch, chính xác, an toàn, vệ sinh thực phẩm. Đây mạnh phát triển thương mại điện tử trong khâu tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

- Rà soát, chỉnh sửa, bổ sung, lồng ghép các nội dung về chuyển đổi số trong việc triển khai các chương trình, kế hoạch, dự án về nông nghiệp, phát triển nông thôn tại địa phương.

- Khuyến khích cơ sở, doanh nghiệp tham gia các sàn thương mại điện tử, tổ chức các chương trình xúc tiến thương mại điện tử; tạo sự kết nối giữa doanh nghiệp thương mại điện tử với các doanh nghiệp sản xuất theo từng ngành hàng để tạo thêm các chuỗi liên kết mới; xây dựng các chính sách hỗ trợ, bồi dưỡng kỹ năng ứng dụng thương mại điện tử cho các hộ kinh doanh cá thể, doanh nghiệp nhỏ và vừa (chú trọng đến hai sàn thương mại điện tử là “Voso.vn” và “Postmart.vn”).

- Thúc đẩy chuyển đổi số tại các doanh nghiệp, hợp tác xã sản xuất về nông nghiệp, thay đổi quy trình sản xuất, tăng cường áp dụng các giải pháp công nghệ hiện đại, sáng tạo ra các mô hình sản xuất mới hiệu quả hơn và từng bước chuyển dịch sang phương thức sản xuất mới.

- Tham gia các chương trình phổ biến kiến thức về công nghệ số, các mô hình kinh tế số đổi mới sáng tạo, chia sẻ kinh nghiệm của những doanh nghiệp trong từng ngành, lĩnh vực.

(Chi tiết nhiệm vụ chuyển đổi số ngành Nông nghiệp và PTNT tại phụ lục kèm theo).

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

- Nguồn vốn ngân sách nhà nước hỗ trợ trong khả năng cân đối nguồn lực theo quy định của pháp luật; thực hiện lồng ghép các chương trình, đề án, dự án, kế hoạch... của ngành nông nghiệp.

- Nguồn vốn xã hội hóa.

- Các nguồn vốn hợp pháp khác.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các sở, ngành, UBND các huyện, Thành phố

- Các sở, ngành: Căn cứ theo chức năng, nhiệm vụ các đơn vị phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn triển khai thực hiện kết nối, chia sẻ dữ liệu theo Đề án Chuyển đổi số của UBND tỉnh.

- Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố: Xây dựng kế hoạch, chương trình triển khai thực hiện các nội dung chuyển đổi số ngành nông nghiệp; lồng ghép các nội dung chuyển đổi số ngành nông nghiệp vào các đề án, dự án... của huyện, thành phố; báo cáo kết quả triển khai thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo yêu cầu.

2. Sở Thông tin và Truyền thông

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong việc triển khai các nhiệm vụ thuộc Kế hoạch này; lồng ghép, đồng bộ kế hoạch này với các

chương trình, đề án, quy hoạch, kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số của tỉnh.

3. Văn phòng Sở

- Theo dõi việc thực hiện số hóa cập nhật dữ liệu kết quả giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo lộ trình của UBND tỉnh.

- Theo dõi, đôn đốc các đơn vị thực hiện tốt các mục tiêu đề ra tại Kế hoạch này.

- Đề xuất các giải pháp đảm bảo hạ tầng công nghệ thông tin đáp ứng chuyển đổi số; chủ động thực hiện nhiệm vụ giám sát an toàn an ninh mạng, hoạt động ứng cứu, xử lý sự cố; tổ chức đánh giá hiện trạng hạ tầng công nghệ thông tin tại Cơ quan Sở và các đơn vị trực thuộc.

4. Phòng Kế hoạch - Tài chính Sở

Phối hợp với các phòng, đơn vị trực thuộc Sở tham mưu, đề xuất triển khai thực hiện các nhiệm vụ cụ thể được phân công trong Kế hoạch này; tham mưu, đề xuất, cân đối nguồn kinh phí để triển khai thực hiện kế hoạch; theo dõi, đôn đốc và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

5. Các Phòng ban, đơn vị trực thuộc Sở

- Trưởng các Phòng ban, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Sở căn cứ chức năng, nhiệm vụ chuyên môn của đơn vị xây dựng kế hoạch, chương trình triển khai thực hiện các nội dung chuyển đổi số ngành nông nghiệp đảm bảo đúng tiến độ, chất lượng; phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan trong quá trình triển khai; định kỳ báo cáo kết quả triển khai thực hiện nhiệm vụ về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo yêu cầu.

- Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có vướng mắc, phát sinh các phòng ban, đơn vị đề xuất ý kiến gửi về Văn phòng Sở tổng hợp trình Lãnh đạo xem xét điều chỉnh, bổ sung kế hoạch cho phù hợp.

Trên đây là Kế hoạch chuyển đổi số Ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Các sở, ngành liên quan;
- GD, các PGD Sở;
- UBND các huyện, thành phố;
- Các phòng ban, đơn vị trực thuộc Sở;
- Lưu: VT, VP.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thái Hà